

LỊCH HỌC THỰC HÀNH KỲ I NĂM HỌC 2025-2026
(Từ ngày 14 tháng 09 đến 21 tháng 09 năm 2025)

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Học phần/ Môn học	Nhóm	SL	HSSV	Tiết học - Phòng học /Tổng số buổi học																								Giáo viên	Đơn vị quản lý giảng viên
								Thứ 2			Thứ 3			Thứ 4			Thứ 5			Thứ 6			Thứ 7			CN							
								Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi					
1	ĐH	17	20251ME6096001	Thực hành gia công, lắp ráp khuôn	CL	19								1+6	101-A10 102-A10	1/2														Vũ Đình Toàn	THHTTNCK		
2	ĐH	17	20251ME6096002	Thực hành gia công, lắp ráp khuôn	CL	16								1+6	101-A10 102-A10	1/2														Nguyễn Văn Đức	THHTTNCK		
3	ĐH	17	20251ME6113001	Thực hành CNC	CL	25		1+6	102-A10	2/10																				Đào Ngọc Hoành	THHTTNCK		
4	ĐH	17	20251ME6113002	Thực hành CNC	CL	27		1+6	110-A9	2/10																				Nguyễn Mai Anh	THHTTNCK		
5	ĐH	17	20251ME6113003	Thực hành CNC	CL	25		7+12	102-A10	2/10																				Nguyễn Mai Anh	THHTTNCK		
6	ĐH	17	20251ME6113004	Thực hành CNC	CL	25		7+12	110-A9	2/10																				Trần Ngọc Tấn	THHTTNCK		
7	ĐH	17	20251ME6113006	Thực hành CNC	CL	25								7+12	102-A10	2/10														Nguyễn Văn Quê	THHTTNCK		
8	ĐH	17	20251ME6113007	Thực hành CNC	CL	25								13+17	102-A10	2/10														Vũ Đình Toàn	THHTTNCK		
9	ĐH	17	20251ME6113008	Thực hành CNC	CL	26								13+17	110-A9	2/10														Trần Ngọc Tấn	THHTTNCK		
10	ĐH	17	20251ME6113010	Thực hành CNC	CL	25														1+6	110-A9	2/10								Vũ Đình Toàn	THHTTNCK		
11	ĐH	17	20251ME6113011	Thực hành CNC	CL	26														7+12	102-A10	2/10								Đào Ngọc Hoành	THHTTNCK		
12	ĐH	17	20251ME6038004	Thực hành gia công tia lửa điện Automotive Modeling and Simulation Systems	CL	31								1+6	101-A10	2/10														Nguyễn Mai Anh	THHTTNCK		
13	ĐH	17	20251AT6025_TA001		CL	14					1,2,3,4,5 ,6	516A10	2/10																	Hoàng Quang Tuấn	CNOTO		
14	ĐH	17	20251AT6025009	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	25														1,2,3,4,5 ,6	516A10	2/10								Hoàng Quang Tuấn	CNOTO		
15	ĐH	17	20251AT6025016	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	25																1,2,3,4,5 ,6	516A10	2/10						Hoàng Quang Tuấn	CNOTO		
16	ĐH	18	20251AT6029004	Thí nghiệm ô tô	CL	25		13,14,15 ,16,17	404A10	2/12																				Bùi Văn Hải	CNOTO		
17	ĐH	18	20251AT6029002	Thí nghiệm ô tô	CL	25														7,8,9,10, 11,12	404A10	2/10								Phạm Việt Thành	CNOTO		
18	ĐH	17	20251AT6025002	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	25					1,2,3,4,5 ,6	503A10	2/10																	Nguyễn Xuân Hiền	CNOTO		
19	ĐH	17	20251AT6025005	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	24								7,8,9,10, 11,12	503A10	2/10														Nguyễn Xuân Hiền	CNOTO		
20	ĐH	17	20251AT6025015	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	20																1,2,3,4,5 ,6	503A10	2/10						Nguyễn Xuân Hiền	CNOTO		
21	ĐH	17	20251AT6025014	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	23																7,8,9,10, 11,12	516A10	2/10						Nguyễn Xuân Hiền	CNOTO		
22	ĐH	17	20251AT6025003	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	21					7,8,9,10, 11,12	516A10	2/10																		Vũ Hải Quân	CNOTO	
23	ĐH	17	20251AT6025016	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	21								7,8,9,10, 11,12	516A10	2/10															Vũ Hải Quân	CNOTO	
24	ĐH	17	20251AT6025007	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	20								1,2,3,4,5 ,6	516A10	2/10															Đỗ Văn Cường	CNOTO	
25	ĐH	17	20251AT6025008	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	21								13,14,15 ,16,17	516A10	2/10															Đỗ Văn Cường	CNOTO	
26	ĐH	17	20251AT6025004	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	22								1,2,3,4,5 ,6	503A10	2/10															Trịnh Đắc Phong	CNOTO	
27	ĐH	17	20251AT6025011	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	25														1,2,3,4,5 ,6	503A10	2/10									Trịnh Đắc Phong	CNOTO	
28	ĐH	17	20251AT6025010	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	25														7,8,9,10, 11,12	516A10	2/10									Trịnh Đắc Phong	CNOTO	
29	ĐH	17	20251AT6025012	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	24																1,2,3,4,5 ,6	501A10	2/10							Trịnh Đắc Phong	CNOTO	
30	ĐH	17	20251AT6025001	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	20		13,14,15 ,16,17	516A10	2/12																					Thần Quốc Việt	CNOTO	
31	ĐH-KS	3	20251ME6174001	Các phương pháp gia công tiên tiến	1	21											13,14,15 ,16,17	101-A10	1/5											Trần Quốc Hùng	Khoa CNCK		
32	ĐH-KS	3	20251ME6175001	Gia công cắt gọt cao tốc	1	28																				13,14,15 ,16,17	110-A9	01-May	Nguyễn Văn Quê	Khoa CNCK			
33	ĐH-KS	3	20251ME6176001	Công nghệ phủ bề mặt	1	23																7,8,9,10, 11,12	104-A9	1/5						Dương Văn Thiết	Khoa CNCK		
34	ĐH-KS	3	20251ME6176001	Công nghệ phủ bề mặt	2	23																13,14,15 ,16,17	104-A9	1/5						Dương Văn Thiết	Khoa CNCK		

[illegible]